

Số: ~~171~~ /BVNHN-KD
V/v yêu cầu báo giá vắc xin tiêm chủng
theo hình thức dịch vụ năm 2026

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị/nhà cung cấp vắc xin tại Việt Nam.

Bệnh viện Nhi Hà Nội xin gửi lời chào và lời cảm ơn tới Quý Công ty trong việc hợp tác cùng Bệnh viện trong thời gian qua.

Bệnh viện Nhi Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ năm 2026. Kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp vắc xin tham gia gửi báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Tên người nhận báo giá: DS. Nguyễn Minh Ngọc
- Điện thoại: 0964880610

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội- Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, TP Hà Nội.

- Nhận bản mềm qua email: duocnhihn@gmail.com

• Lưu ý: Các đơn vị gửi báo giá theo 2 hình thức nêu trên.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 30 tháng 01 năm 2026 đến 16h30 ngày 09 tháng 02 năm 2026
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày báo giá.

Giá chào là giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, vận chuyển đến kho chỉ định trong khuôn viên Bệnh viện và các chi phí liên quan khác.

II. Nội dung yêu cầu:

1. Danh mục sản phẩm: chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.

2. Biểu mẫu báo giá: theo mẫu Phụ lục II đính kèm, có đóng dấu và chữ ký của người đại diện theo hợp pháp của công ty.

3. Địa điểm cung cấp, giao hàng: Bệnh viện Nhi Hà Nội - Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, TP Hà Nội.

4. Thời gian mua sắm dự kiến: Quý I năm 2026.

Bệnh viện Nhi Hà Nội kính mời các quý đơn vị quan tâm nộp báo giá theo thông tin nêu trên.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KD (02b).



Ngô Quang Hùng

PHỤ LỤC I: DANH MỤC MỜI BÁO GIÁ VẮC XIN TIÊM CHỦNG THEO HÌNH THỨC DỊCH VỤ NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số **174** /BVNHN-KD ngày **30** tháng **01** năm 2026 của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

STT	Mã mời chào giá	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
1	VX01	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero) $\geq 2,5$ IU	5	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500
2	VX02	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M)	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) $\geq 2,5$ IU	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500
3	VX03	Huyết thanh kháng đại tinh chế (SAR)	1000IU	4	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500
4	VX04	Giải độc tố uốn ván; Giải độc tố bạch hầu; Ho gà vô bào; Giải độc tố ho gà (PT); Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA); Pertactin (PRN); Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM)	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố uốn ván 5Lf; Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg	5	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	50
5	VX05	Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi và Pertactin	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	50
6	VX06	Virus sởi sống,giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	$\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500
7	VX07	- Vi-rút sởi ; - Vi rút Quai bị ; - Vi rút Rubella ;	Vi-rút sởi 1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị 12.500 CCID50; - Vi rút Rubella 1.000 CCID50.	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	300
8	VX08	Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500
9	VX09	Protein bao gồm kháng nguyên virút viêm gan A tinh khiết	Mỗi liều 0,5ml chứa Protein bao gồm kháng nguyên virút viêm gan A tinh khiết < 100µg; Mỗi liều 1ml chứa Protein bao gồm kháng nguyên virút viêm gan A tinh khiết < 200µg	4	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	100

STT	Mã mời chào giá	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
10	VX10	Hepatitis A virus antigen (HM175 strain); r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg)	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	250
11	VX11	Human hepatitis B immunoglobulin	180 IU/1ml	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	50
12	VX12	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết ≈ 10µg/0,5ml	4	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	150
13	VX13	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết ≈ 20µg/1ml	4	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	100
14	VX14	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 10mcg	Mỗi liều vắc xin 0,5ml chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 10mcg	5	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	100
15	VX15	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 20mcg	Mỗi liều vắc xin 1ml chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 20mcg	5	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	150
16	VX16	- Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp. -Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500
17	VX17	Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	5	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500

STT	Mã mới chào giá	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
18	VX18	Sau khi hoàn nguyên, mỗi liều (0,5ml) chứa Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm A (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSA ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm C (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSC ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm W-135 (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSW ~ 7,5mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm Y (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSY ~ 6,5mcg TT	Sau khi hoàn nguyên, mỗi liều (0,5ml) chứa Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm A (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSA ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm C (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSC ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm W-135 (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSW ~ 7,5mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm Y (cộng hợp với protein giải độc tố uốn ván (chất mang)) 5mcg PSY ~ 6,5mcg TT	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500
19	VX19	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	300
20	VX20	Vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi-rút HPV ở người type 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6; protein L1 HPV11; protein L1 HPV16 và protein L1 HPV18	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi-rút HPV ở người týp 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6: 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	50
21	VX21	Protein L1 HPV týp 6; protein L1 HPV týp 11; protein L1 HPV týp 16; protein L1 HPV týp 18; protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Mỗi liều 0,5ml chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	350

STT	Mã mời chào giá	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
22	VX22	Giải độc tố Bạch hầu; Giải độc tố Uốn ván; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT), Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA); Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (Mahoney), Typ 2 (MEF-1), Typ 3 (Saukett); Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B; Polysaccharide của Haemophilus influenzae typ b (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Typ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Typ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae typ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/10/ống	1000
23	VX23	Giải độc tố bạch hầu ; Giải độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của Haemophilus influenza typ B cộng hợp với giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/10/ống	1000
24	VX24	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	4	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/10/ống	200
25	VX25	Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2, tái tổ hợp, sống, giám độc lực	Mỗi liều 0,5ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2, tái tổ hợp, sống, giám độc lực 4,0 – 5,8 log PFU	5	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/10/ống	400
26	VX26	Vì rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết	Vì rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	4	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/10/ống	150

STT	Mã mời chào giá	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
27	VX27	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238), A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A), B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26), B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type)	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg haemagglutinin, A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15 mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15 mcg haemagglutinin	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	2000
28	VX28	A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238); A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) ; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã); B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã)	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	500
29	VX29	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	5	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/lọ/ống	350
30	VX30	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414	$\geq 10^{6,0}$ CCID ₅₀	1	Hỗn dịch/dung dịch uống	Uống	Hộp/lọ/ống	500
31	VX31	Rotavirus G1 human-bovine reassortant; Rotavirus G2 human-bovine reassortant ; Rotavirus G3 human-bovine reassortant ; Rotavirus G4 human-bovine reassortant; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant	$\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,8$ triệu IU; $\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,0$ triệu IU; $> 2,3$ triệu IU	1	Hỗn dịch/dung dịch uống	Uống	Hộp/lọ/ống	300
32	VX32	Virus rota sống, giảm độc lực chủng G1P[8]	Virus rota sống, giảm độc lực chủng G1P[8] ≥ 2 triệu PFU/liều 2ml	4	Hỗn dịch/dung dịch uống	Uống	Hộp/lọ/ống	300

STT	Mã mời chào giá	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
33	VX33	Mỗi liều (0,5ml) chứa: 1mcg Polysaccharide của Streptococcus pneumoniae của mỗi týp huyết thanh 1, 5, 6B, 7F, 9V, 14 và 23F và 3mcg Polysaccharide của Streptococcus pneumoniae của mỗi týp huyết thanh 4, 18C và 19F. Polysaccharide của các týp huyết thanh 1, 4, 5, 6B, 7F, 9V, 14 và 23F được cộng hợp với 9~16mcg protein chất mang D (dẫn xuất từ Haemophilus influenzae không định týp); Polysaccharide của týp huyết thanh 18C cộng hợp với 5~10mcg protein chất mang là giải độc tố uốn ván; Polysaccharide của týp huyết thanh 19F cộng hợp với 3~6mcg protein chất mang là giải độc tố bạch hầu. Tất cả các polysaccharide được hấp phụ trên nhôm phosphate (tương đương với tổng cộng 0,5mg Al ³⁺)	Mỗi liều (0,5ml) chứa: 1mcg Polysaccharide của Streptococcus pneumoniae của mỗi týp huyết thanh 1, 5, 6B, 7F, 9V, 14 và 23F và 3mcg Polysaccharide của Streptococcus pneumoniae của mỗi týp huyết thanh 4, 18C và 19F. Polysaccharide của các týp huyết thanh 1, 4, 5, 6B, 7F, 9V, 14 và 23F được cộng hợp với 9~16mcg protein chất mang D (dẫn xuất từ Haemophilus influenzae không định týp); Polysaccharide của týp huyết thanh 18C cộng hợp với 5~10mcg protein chất mang là giải độc tố uốn ván; Polysaccharide của týp huyết thanh 19F cộng hợp với 3~6mcg protein chất mang là giải độc tố bạch hầu. Tất cả các polysaccharide được hấp phụ trên nhôm phosphate (tương đương với tổng cộng 0,5mg Al ³⁺)	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/1q/ống	300
34	VX34	Mỗi liều (0,5 ml) chứa 2mcg polysaccharid phé cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4mcg týp huyết thanh 6B cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphate	Mỗi liều (0,5 ml) chứa 2mcg polysaccharid phé cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4mcg týp huyết thanh 6B cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphate	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/1q/ống	500
35	VX35	Huyết thanh týp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn ; Huyết thanh týp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn ; Huyết thanh týp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn ; Huyết thanh týp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn; Huyết thanh týp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn; Protein vận chuyển CRM197	Mỗi liều đơn 0,5ml có chứa: Huyết thanh týp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh týp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Protein vận chuyển CRM197 32µg	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/1q/ống	500

STT	Mã mời chào giá	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
36	VX36	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/10/ống	500
37	VX37	Sau khi hoàn nguyên, một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA); Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (chủng Mahoney), Typ 2 (chủng MEF-I, Typ 3 (chủng Saukett)	Sau khi hoàn nguyên, một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 I.U.; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 I.U.; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà 25 microgam, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 microgam; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (chủng Mahoney) 40 DU, Typ 2 (chủng MEF-I) 8 DU, Typ 3 (chủng Saukett) 32 DU	1	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/10/ống	250
38	VX38	Giai độc tố uốn ván tinh chế	Giai độc tố uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/0,5ml	4	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp/10/ống	150

[illegible]

PHỤ LỤC II

BẢNG BÁO GIÁ VẮC XIN TIÊM CHỦNG THEO HÌNH THỨC DỊCH VỤ NĂM 2026
 (Đính kèm Công văn số **171** /BVNHN-KD ngày **30** tháng **01** năm 2026 của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

Tên nhà cung cấp:

Địa chỉ:

Email:

Mã số doanh nghiệp

Người liên hệ:

Số điện thoại liên lạc:

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hà Nội

STT	Mã mời báo giá	Hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	SDK hoặc số GPNK	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá chào (có VAT)	Giá kê khai trên cổng	Thông tin trúng thầu gần nhất			Thông tin trúng thầu giá thấp nhất			Thông tin thầu giá cao nhất		
															Quyết định trúng thầu và ngày trúng thầu	Giá trúng thầu gần nhất (VNĐ)	Nơi trúng thầu	Quyết định trúng thầu và ngày trúng thầu	Giá trúng thầu thấp nhất (VNĐ)	Nơi trúng thầu	Quyết định trúng thầu và ngày trúng thầu	Nơi trúng thầu	Giá trúng thầu cao nhất (VNĐ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	11	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24

Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

